

UBND TỈNH HÀ TĨNH
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Số: /STNMT-MT

V/v hướng dẫn thực hiện một số tiêu chí, chỉ tiêu thuộc Bộ tiêu chí xã nông thôn mới, xã nông thôn mới nâng cao, xã nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh, giai đoạn 2022-2025 thuộc lĩnh vực ngành TNMT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Tĩnh, ngày tháng 01 năm 2023

Kính gửi: UBND các huyện, thành phố, thị xã.

Thực hiện các Quyết định: số 36/2022/QĐ-UBND, số 38/QĐ-UBND ngày 09/12/2022 của UBND tỉnh về ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh, giai đoạn 2022-2025; Văn bản số 7347/UBND-NL₅ ngày 21/12/2022 của UBND tỉnh về việc đánh giá, thẩm tra, thẩm định xã phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới, NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu, huyện NTM năm 2022;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Văn bản số 2155/BTNMT-TCMT ngày 27/4/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thực hiện một số tiêu chí, chỉ tiêu thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới/xã nông thôn mới nâng cao và huyện nông thôn mới/huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường; Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thực hiện một số nội dung thuộc lĩnh vực ngành Tài nguyên và Môi trường phụ trách đối với tiêu chí số 17, số 18 trong Bộ tiêu chí xã NTM, NTM nâng cao theo quy định tại Quyết định số 36/2022/QĐ-UBND ngày 09/12/2022 của UBND tỉnh, tiêu chí số 5 - Môi trường quy định xã NTM kiểu mẫu tại Quyết định số 38/2022/QĐ-UBND ngày 09/12/2022 của UBND tỉnh.

(Chi tiết tại phụ lục kèm theo)

Với nội dung trên, Sở Tài nguyên và Môi trường gửi các địa phương triển khai thực hiện. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các địa phương gửi văn bản về Sở Tài nguyên và Môi trường để phối hợp xem xét xử lý./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; (để phối hợp)
- Văn phòng Điều phối NTM tỉnh;
- GD Sở, PGĐ phụ trách;
- Lưu VT.MT, TTT.

Gửi bản điện tử.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Phan Lam Sơn

PHỤ LỤC I

Hướng dẫn thực hiện một số nội dung tiêu chí số 17 - Môi trường và An toàn thực phẩm trong Bộ tiêu chí xã nông thôn mới thực hiện trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh, giai đoạn 2022-2025

(Ban hành kèm theo văn bản số /STNMT-MT ngày /01/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

I. Yêu cầu đạt chuẩn tiêu chí Môi trường và An toàn thực phẩm trong Bộ tiêu chí xã nông thôn mới thực hiện trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh, giai đoạn 2022-2025, thuộc lĩnh vực ngành tài nguyên và môi trường phụ trách:

Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu
Môi trường và an toàn thực phẩm	17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường	≥95%
	17.3. Cảnh quan, không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn; không để xảy ra tồn đọng nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư tập trung	Đạt
	17.6. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định	≥75%
	17.7. Tỷ lệ bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng và chất thải rắn y tế được thu gom, xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường	100%
	17.8. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch ¹	≥85%
	17.11. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn	≥50%
	17.12. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định	≥50%

II. Triển khai thực hiện và hồ sơ minh chứng kết quả thực hiện

2.1. Tiêu chí 17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường (≥95%):

2.1.1. Triển khai thực hiện:

a. Điều tra, thống kê, kiểm tra, đánh giá các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh, hộ sản xuất kinh doanh cá thể, hộ dân trên địa bàn đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường.

¹ Đảm bảo 3 sạch, gồm: Sạch nhà, sạch bếp, sạch ngõ (theo nội dung cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch” do Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam phát động).

b. Đánh giá các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh, hộ sản xuất kinh doanh cá thể, hộ dân thực hiện đầy đủ các quy định về bảo vệ môi trường nếu đảm bảo các điều kiện sau:

- Có đầy đủ hồ sơ, thủ tục về môi trường (nếu cơ sở thuộc đối tượng phải lập thủ tục hồ sơ về BVMT theo quy định), bao gồm: Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM), cam kết BVMT, Kế hoạch BVMT, đề án BVMT được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc có Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường, Đăng ký môi trường được cấp có thẩm quyền cấp/tiếp nhận (các hồ sơ về BVMT tương đương) theo quy định.

- Thực hiện các nội dung về bảo vệ môi trường đã cam kết trong các hồ sơ về môi trường và theo quy định của pháp luật về BVMT như:

- + Có công trình/biện pháp thu gom, xử lý chất thải theo quy định.

- + Chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường (CTR), chất thải nguy hại (CTNH) được thu gom, phân loại, lưu giữ, chuyển giao đến các đơn vị có chức năng xử lý theo quy định.

- + Nước thải được thu gom và xử lý đáp ứng yêu cầu về BVMT theo quy định

- + Quản lý bụi, khí thải theo quy định.

- Thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật BVMT về thuế, phí, lệ phí.

* Trường hợp các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh, hộ sản xuất kinh doanh cá thể, hộ dân trên địa bàn không thuộc đối tượng phải lập hồ sơ môi trường theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật BVMT (Phụ lục XVI): phải thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường (có công trình/biện pháp thu gom, xử lý chất thải theo quy định; chất thải (CTR, CTNH, nước thải, bụi, khí thải) được thu gom, xử lý theo quy định và thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật BVMT về thuế, phí, lệ phí.

c. Đối với làng nghề được công nhận:

- Có Quyết định công nhận làng nghề được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Có phương án BVMT làng nghề được UBND cấp huyện phê duyệt.

- Có tổ chức tự quản về BVMT.

- Có hạ tầng về BVMT làng nghề, bao gồm: Hệ thống thu gom nước thải, nước mưa bảo đảm nhu cầu tiêu thoát nước; Hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải tập trung (nếu có) bảo đảm nước thải sau xử lý đáp ứng yêu cầu về BVMT; Có điểm tập kết CTR đáp ứng yêu cầu kỹ thuật về BVMT, có phương án vận chuyển CTR đến khu xử lý CTR. Các cơ sở, hộ gia đình sản xuất trong làng nghề phải thực hiện các quy định về đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép môi trường hoặc đăng ký môi trường theo quy định của pháp luật về BVMT. Công trình BVMT của cơ sở, hộ gia đình sản xuất trong làng nghề phải đáp ứng các yêu cầu theo quy định;

Cơ sở, hộ gia đình sản xuất thuộc ngành, nghề không khuyến khích phát triển tại làng nghề có trách nhiệm thực hiện quy định tại khoản 2 Điều 56 Luật BVMT năm 2020 và tuân thủ kế hoạch di dời, chuyển đổi ngành, nghề sản xuất theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2.1.4. Hồ sơ minh chứng

** Đối với cơ sở sản xuất kinh doanh, nuôi trồng thủy sản*

- Danh sách các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh, hộ sản xuất kinh doanh cá thể, hộ gia đình (địa chỉ, loại hình/quy mô sản xuất).

- Hồ sơ, thủ tục về môi trường: Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM), cam kết BVMT, Kế hoạch BVMT, đề án BVMT được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc có Báo cáo đề xuất Giấy phép môi trường, Đăng ký môi trường được cấp có thẩm quyền cấp/tiếp nhận (nếu có).

- Các hồ sơ minh chứng kết quả thực hiện công tác BVMT của các cơ sở.

** Đối với làng nghề*

- Văn bản công nhận làng nghề.

- Văn bản phê duyệt phương án BVMT làng nghề.

- Có/không có hạ tầng BVMT.

- Có/không có tổ chức tự quản BVMT làng nghề.

- Hồ sơ hạ tầng BVMT.

(Biểu mẫu số 17.2.1-17.2.2 kèm theo)

2.2. Tiêu chí 17.3. Cảnh quan, không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn; không để xảy ra tổn động nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư tập trung (Đạt)

2.2.1. Triển khai thực hiện:

* Ban hành kế hoạch và tổ chức thực hiện xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn phù hợp điều kiện thực tế tại địa phương, có sự tham gia của cộng đồng, lồng ghép trong quy ước, hương ước, như:

- Đầu tư, hoàn thiện hệ thống cây xanh (gồm cả cây bóng mát, cây cảnh, cây hoa và thảm cỏ...) đảm bảo các yêu cầu chủ yếu sau:

+ Phù hợp với quy hoạch.

+ Ưu tiên sử dụng các loại cây xanh bản địa, đặc trưng vùng miền và phù hợp với từng khu vực địa bàn, bảo vệ được các cây quý hiếm, cây cổ thụ có giá trị. Việc trồng cây không để ảnh hưởng đến an toàn giao thông, không làm hư hại đến các công trình của nhân dân và các công trình công cộng (không trồng cây dễ đổ, gãy); không gây ảnh hưởng đến vệ sinh môi trường (không tiết ra chất độc hại ảnh hưởng đến sức khỏe con người); không trồng các loài cây thuộc danh mục loài ngoại lai xâm hại theo quy định tại Thông tư số 35/2018/TT-BTNMT ngày 28/12/2018 của Bộ TN&MT về quy định tiêu chí xác định và ban hành Danh mục loài ngoại lai xâm hại.

+ Ưu tiên trồng cây xanh ở các địa điểm công cộng như: Trụ sở, nhà trẻ,

trường học, trạm y tế, trung tâm văn hóa thể thao, các chợ, cửa hàng dịch vụ...

- Tuyên truyền, vận động, tổ chức ra quân vệ sinh môi trường, nạo vét mương, kênh, rạch, ao hồ; chỉnh trang, cải tạo các ao hồ sinh thái nhằm tạo không gian, cảnh quan sinh thái và điều hòa môi trường; có rào chắn, biển cảnh báo tại các khu vực có nguy cơ mất an toàn với người dân.

- Tuyên truyền, vận động các hộ gia đình trồng hoa, cây xanh trong khuôn viên gia đình, trên địa bàn khu dân cư, đảm bảo $\geq 70\%$ số hộ gia đình có diện tích trồng cây xanh thực hiện chỉnh trang hàng rào bằng cây xanh hoặc các loại hàng rào khác nhưng có phủ cây xanh; Hàng rào bằng cây phải được cắt tỉa gọn gàng, không vươn ra đường gây cản trở giao thông.

- Tổ chức thu dọn vệ sinh, rác thải định kỳ (có tổ vệ sinh thường xuyên quét dọn vệ sinh, thu gom rác thải về nơi xử lý tập trung theo quy định). Xây dựng các tuyến đường xanh sạch đẹp, giao cho các tổ chức quản lý.

- Xây dựng hương ước/quy định về giữ gìn vệ sinh chung trong xã và các hộ gia đình

2.1.2. Hồ sơ minh chứng:

- Văn bản ban hành kế hoạch/phương án hoặc quy định có liên quan.
- Phương án và tổ chức thực hiện việc xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn đã được phê duyệt.
- Ban hành, niêm yết công khai và tổ chức thực hiện quy định, quy chế về giữ gìn vệ sinh, BVMT nơi công cộng; kế hoạch vệ sinh môi trường định kỳ.
- Tổng hợp số km đường làng, ngõ xóm, các tuyến đường xanh sạch đẹp.
- Tổng hợp số hộ gia đình có chỉnh trang vườn hộ, hàng rào xanh hoặc có hàng rào khác được phủ cây xanh.

(Theo biểu mẫu số 17.3.1, 17.3.2, 17.3.3 kèm theo).

- Hình ảnh minh họa kèm theo.

2.3. Tiêu chí 17.6 “Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định” ($\geq 75\%$):

2.3.1. Triển khai thực hiện

* Chất thải rắn sinh hoạt và chất thải không nguy hại phát sinh trên địa bàn phải được quản lý từ khâu phát sinh đến thu gom, xử lý đáp ứng yêu cầu cụ thể như sau:

- CTR sinh hoạt được thu gom, xử lý theo quy định (chất thải thực phẩm do người dân tự thu gom, xử lý hoặc do đơn vị có chức năng thu gom, xử lý):

- + Thu gom, vận chuyển CTR sinh hoạt: CTR sinh hoạt khi được phân loại tại nguồn cơ sở có chức năng thu gom, vận chuyển đưa đi xử lý đúng quy định².

- + Xử lý CTR sinh hoạt: CTR sinh hoạt phải được xử lý bằng công nghệ phù

² Luật BVMT 2020 (khoản 1 Điều 72, Điều 77); Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật BVMT (Điều 58, 61, 63);

hợp, đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật môi trường theo quy định³.

- CTR không nguy hại (CTR thông thường) là CTR không thuộc danh mục CTNH hoặc danh mục chất thải công nghiệp phải kiểm soát có yếu tố nguy hại vượt ngưỡng CTNH⁴ (gồm: CTR công nghiệp thông thường, chất thải xây dựng, phụ phẩm nông nghiệp) phải được phân loại, lưu giữ, thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định:

+ CTR công nghiệp thông thường: Được phân loại, lưu giữ, vận chuyển, xử lý theo quy định tại Điều 81, Điều 82 Luật Bảo vệ môi trường.

+ Chất thải xây dựng phải được thu gom, tái sử dụng hoặc xử lý theo quy định, không được đổ ra đường, sông ngòi, suối, kênh rạch và nguồn nước mặt khác làm ảnh hưởng đến cảnh quan môi trường theo quy định⁵.

+ Phụ phẩm nông nghiệp phải được thu gom để sản xuất ra sản phẩm hàng hóa, sử dụng làm nguyên liệu, nhiên liệu, sản xuất phân bón, sản xuất năng lượng hoặc phải được xử lý theo quy định, không đốt ngoài trời phụ phẩm từ cây trồng gây ô nhiễm môi trường⁶.

* Ban hành và triển khai thực hiện Kế hoạch/Phương án thu gom, vận chuyển, xử lý CTR được cấp có thẩm quyền phê duyệt; trong đó, nêu rõ về số lượng hộ gia đình, các cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn có phát sinh chất thải rắn, khối lượng chất thải rắn phát sinh; đơn vị thu gom, hợp đồng thu gom rác của xã; Quy định về cách thức triển khai, quản lý phân loại, lưu giữ, chuyển giao, thu gom, vận chuyển, xử lý CTR sinh hoạt (địa điểm tập kết, cách thức thu gom và điểm xử lý rác) trên địa bàn; quy định cụ thể thời gian, địa điểm, tần suất và tuyến thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt; nêu rõ về kinh phí thu theo giá dịch vụ, kinh phí chi trả cho hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn.

* Điểm tập kết, trạm trung chuyển (nếu có) được lựa chọn đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định tại QCVN 01:2021/BXD-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng; phải được xây dựng đáp ứng các điều kiện theo quy định tại Điều 26 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định chi tiết thi hành một điều của Luật Bảo vệ môi trường (gọi tắt Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT).

- Lựa chọn cơ sở thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt thông qua hình thức đấu thầu hoặc đặt hàng, hoặc giao nhiệm vụ.

- Thực hiện tuyên truyền, vận động hộ gia đình, tổ chức thực hiện phân loại rác thải sinh hoạt tại nguồn thành ít nhất 3 loại (rác tái chế, rác thực phẩm và rác thải

³ Luật BVMT 2020 (Điều 78); Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật BVMT (Điều 59, 62);

⁴ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật BVMT (khoản 10 Điều 3);

⁵ Luật BVMT 2020 (Điều 64);

⁶ Luật BVMT 2020 (Điều 61); và theo quy định, hướng dẫn của Bộ NN&PTNT;

khác); bố trí các thiết bị lưu chứa có kích thước phù hợp, có dán nhãn hoặc màu sắc phân biệt. Xây dựng mô hình phân loại rác tại các hộ gia đình trên địa bàn các thôn.

* UBND xã có tổ chức hoạt động thu gom, vận chuyển CTR sinh hoạt và CTR không nguy hại đến cơ sở xử lý (nhà máy xử lý hoặc bãi chôn lấp hợp vệ sinh hoặc lò đốt).

2.3.2. Hồ sơ minh chứng:

+ Quyết định phê duyệt kế hoạch/phương án quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn xã.

+ Quyết định phê duyệt quy hoạch/văn bản xác định vị trí, hồ sơ liên quan đến việc xây dựng điểm tập kết/điểm thu gom rác thải/điểm trung chuyển (nếu có) trên địa bàn xã.

+ Hồ sơ đấu thầu/đặt hàng hoặc văn bản giao nhiệm vụ của UBND xã cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển hoặc hợp đồng với đơn vị có chức năng xử lý rác thải. Giấy xác nhận khối lượng chất thải rắn sinh hoạt chuyển giao hàng tháng hoặc định kỳ 6 tháng (12 tháng) giữa xã và đơn vị có chức năng xử lý.

+ Hồ sơ về việc thành lập và hoạt động của đơn vị thu gom, vận chuyển rác thải.

+ Tổng hợp tình hình phát sinh, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn xã.

(Theo các biểu 17.6.1-17.6.2 kèm theo)

2.4. Tiêu chí 17.7. “Tỷ lệ bao gói thuốc bảo vệ thực vật (BVTV) sau sử dụng và chất thải rắn y tế được thu gom, xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường”

2.4.1. Triển khai thực hiện

(1) Ban hành Kế hoạch/Phương án thu gom, vận chuyển, xử lý CTR được cấp có thẩm quyền phê duyệt (có lồng ghép nội dung quản lý chất thải rắn y tế, bao gói thuốc BVTV sau sử dụng).

(2) Triển khai thực hiện, tuyên truyền phổ biến các biện pháp quản lý chất thải y tế tại các bệnh viện, cơ sở y tế trên địa bàn thực hiện thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế theo đúng quy định:

+ Chất thải y tế thông thường phải được phân loại, thu gom riêng biệt với chất thải y tế nguy hại, CTR sinh hoạt và được quản lý như đối với CTR công nghiệp thông thường.

+ Chất thải y tế nguy hại phải được phân loại, thu gom riêng biệt với CTR công nghiệp thông thường và CTR sinh hoạt trước khi đưa vào khu vực lưu giữ tại cơ sở phát sinh theo quy định của pháp luật về quản lý chất thải y tế.

(3) Để đảm bảo không xảy ra tình trạng vỏ bao bì thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, sản phẩm xử lý môi trường nông nghiệp hết hạn sử dụng bị vứt, đổ bừa bãi ra môi trường, chính quyền địa phương cần thực hiện một số nội dung sau:

- Thực hiện tuyên truyền vận động, hướng dẫn người dân, các doanh nghiệp có phát thải vỏ, bao gói thuốc bảo vệ thực vật đã qua sử dụng thực hiện thu gom, vận chuyển và xử lý theo hướng dẫn tại Điều 3 và Điều 4 Thông tư liên tịch số 05/2016/TTLT-BNNPTNT-BTNMT ngày 16/05/2016 của liên Bộ Nông nghiệp và PTNT và Bộ Tài nguyên và Môi trường (như bố trí các lu bể có nắp đậy, đáy chống thấm để lưu chứa vỏ bao gói thuốc BVTV qua sử dụng trên các cánh đồng, khu sản xuất tập trung); thực hiện trách nhiệm theo quy định Điều 5 và Điều 6 Thông tư liên tịch số 05/2016/TTLT-BNNPTNT-BTNMT ngày 16/05/2016; thực hiện theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ TN&MT quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật BVMT và kế hoạch số 252/KH-UBND ngày 11/8/2016 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Thông tư liên tịch số 05/2016/TTLT-BNNPTNT-BTNMT ngày 16/5/2016 của Bộ NN&PTNT và Bộ TN&MT hướng dẫn việc thu gom, vận chuyển và xử lý bao gói thuốc BVTV sau sử dụng.

- Thường xuyên kiểm tra, hướng dẫn, giám sát việc thu gom và tổng hợp tình hình phát sinh, thu gom, xử lý bao gói thuốc BVTV đã qua sử dụng.

- Giao tổ chức cá nhân thực hiện việc tham mưu, quản lý, hướng dẫn, kiểm tra việc thu gom, xử lý bao gói thuốc BVTV đã qua sử dụng trên địa bàn xã.

2.4.2. Hồ sơ minh chứng:

- Quyết định phê duyệt kế hoạch/phương án quản lý chất thải rắn.
- Danh sách bệnh viện, cơ sở y tế trên địa bàn khối lượng CTR phát sinh, biện pháp thu gom, xử lý, đơn vị thu gom, xử lý.
- Báo cáo về công tác thu gom, xử lý bao gói thuốc BVTV.
- Các hồ sơ, chứng từ về chuyển giao chất thải y tế, bao gói thuốc BVTV sau sử dụng.

(Biểu 17.7.1-17.7.2 kèm theo)

2.5. Tiêu chí 17.8. “Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch⁷”

2.5.1. Triển khai thực hiện

a. Thực hiện điều tra, thống kê số hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước hợp vệ sinh, đảm bảo 3 sạch dựa vào các điều kiện, cụ thể:

⁷ Đảm bảo 3 sạch, gồm: Sạch nhà, sạch bếp, sạch ngõ (theo nội dung cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch” do Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam phát động).

- Nhà tiêu hợp vệ sinh phải đảm bảo quy định về kỹ thuật theo QCVN 01:2011/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - Điều kiện đảm bảo hợp vệ sinh) với các nội dung chính sau:

+ Được xây dựng khép kín; chất thải nhà vệ sinh không thải trực tiếp ra môi trường; không tạo môi trường cho ruồi, muỗi và các côn trùng khác sinh nở; không gây mùi hôi, khó chịu.

+ Có biện pháp cô lập được phân người; làm cho phân tươi hoặc chưa an toàn không thể tiếp xúc với người và động vật, tiêu diệt được các tác nhân gây bệnh có trong phân (virut, vi khuẩn).

- Nhà tắm hợp vệ sinh đảm bảo các điều kiện sau:

+ Nhà tắm kín đáo có tường bao, có mái che.

+ Nước thải phải được xử lý và xả nước thải đúng nơi quy định.

- Bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh đảm bảo các điều kiện sau:

+ Bể chứa phải có dung tích đủ lớn để đáp ứng nhu cầu sử dụng.

+ Sử dụng vật liệu làm bể chứa/dụng cụ chứa không có thành phần độc hại làm ảnh hưởng đến sức khỏe của người sử dụng và phù hợp với đặc điểm của từng vùng miền, khuyến khích sử dụng bể chứa nước được xây bằng gạch hoặc bê tông; lu, sành, khạp, chum, vại; dụng cụ trữ nước sinh hoạt bằng inox, nhựa.

+ Bể, dụng cụ trữ nước sinh hoạt phải có nắp đậy kín để ngăn ngừa các chất bẩn khác xâm nhập hoặc muỗi vào đẻ trứng; đối với lu, bể lớn cần có van lấy nước, van xả cặn và van xả tràn.

+ Vệ sinh bể trữ, lu vại trước khi chứa nước và định kỳ 03 tháng 01 lần; nếu dụng cụ chứa nước bị nhiễm bẩn, cần thau rửa ngay sau khi nước rút bằng Cloramin B, hoặc clorua vôi.

b. Thực hiện công tác tuyên truyền, vận động các hộ gia đình chính trang, cải tạo, xây dựng nhà tiêu, nhà tắm, bể trữ nước hợp vệ sinh và thường xuyên thực hiện vệ sinh định kỳ các thiết bị lưu trữ nước đảm bảo như các yêu cầu trên.

c. Tổng hợp kết quả thực hiện việc tuyên truyền, vận động, đánh giá kết quả thực hiện và tổng hợp báo cáo kết quả 3 tháng gần nhất.

2.5.2. Hồ sơ minh chứng:

- Văn bản chỉ đạo, phân công nhiệm vụ cho các tổ chức thành viên thực hiện công tác tuyên truyền, vận động thực hiện; Nội dung tuyên truyền và kế hoạch triển khai đến từng thôn xóm.

- Danh sách hộ có và chưa có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch.

(Có Biểu mẫu số 17.8.1 - 17.8.2 kèm theo)

2.6. Tiêu chí 17.11. “Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn”

2.6.1. Triển khai thực hiện:

- Ban hành kế hoạch/phương án hoặc văn bản chỉ đạo thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt: gồm các nội dung về phương án kỹ thuật phù hợp để phân loại, thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt sau phân loại; lộ trình thực hiện; hạng mục công trình, trang thiết bị; phân công trách nhiệm các tổ chức, cá nhân thực hiện và kinh phí triển khai thực hiện.

- Thực hiện tuyên truyền, vận động, hướng dẫn, triển khai kế hoạch/phương án hoặc nội dung thực hiện phân loại tại hộ gia đình, cơ quan, đơn vị trên địa bàn hoặc đưa vào quy ước, hương ước của địa phương. Hướng dẫn thực hiện phân loại tách từng loại chất thải rắn sinh hoạt thành 03 loại theo quy định tại Điều 75 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, gồm: chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế; chất thải thực phẩm; chất thải rắn sinh hoạt khác; bố trí các thiết bị lưu chứa có kích thước phù hợp, có màu sắc phân biệt, cụ thể:

(+) Chất thải thực phẩm: khuyến khích sử dụng chất thải thực phẩm dùng cho chăn nuôi gia súc; xử lý bằng chế phẩm sinh học để làm phân bón trồng cây.

(+) Chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế: được chuyển giao cho tổ chức, cá nhân tái sử dụng, tái chế hoặc cơ sở có chức năng thu gom, vận chuyển CTR sinh hoạt.

(+) Chất thải rắn sinh hoạt khác: Phải được chứa, đựng trong bao bì theo quy định và chuyển giao cho cơ sở có chức năng thu gom, vận chuyển CTR sinh hoạt.

- Tần suất thu gom rác thải sinh hoạt (hoặc tối thiểu 01lần/tuần).

- Đầu tư xây dựng các hạng mục công trình thực hiện việc phân loại, thu gom, vận chuyển chất thải, bao gồm: vận động hoặc hỗ trợ dụng cụ lưu chứa (bao bì hoặc giỏ) đựng chất thải rắn sinh hoạt sau phân loại tại nguồn; hạ tầng các điểm tập kết, trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt phù hợp, đáp ứng yêu cầu kỹ thuật theo quy định tại Điều 26 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT; đầu tư phương tiện, trang thiết bị lưu chứa rác tại khu vực công cộng đảm bảo thuận tiện, thân thiện môi trường và đảm bảo mỹ quan.

2.6.2. Hồ sơ minh chứng:

- Quyết định phê duyệt Kế hoạch/Phương án hoặc Văn bản triển khai thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt.

- Văn bản triển khai công tác tuyên truyền, vận động, hướng dẫn thực hiện phân loại rác thải sinh hoạt.

- Danh sách thống kê hộ gia đình, cá nhân, cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có phát sinh chất thải sinh hoạt trên địa bàn có trang bị thiết bị thu gom, phân loại rác thải tại nguồn, có xây dựng mô hình xử lý rác thực phẩm tại nguồn.

- Tổng hợp kết quả thực hiện phân loại rác trên địa bàn xã (Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại CTR tại nguồn (%) = Số hộ gia đình thực hiện phân loại CTR tại nguồn/Tổng số hộ dân trên địa bàn x 100%).

(Có biểu 17.11.1 - 17.11.2 kèm theo)

2.7. Tiêu chí 17.12. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định

2.7.1. Triển khai thực hiện

Tuyên truyền, vận động, hướng dẫn hộ gia đình, cá nhân, đơn vị trên địa bàn thực hiện thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý chất thải nhựa quản lý chất thải nhựa (gồm: Sản phẩm nhựa sử dụng một lần⁸, Bao bì nhựa khó phân hủy sinh học⁹) như:

- Hạn chế sử dụng, giảm thiểu, phân loại, thải bỏ chất thải nhựa.

- Chất thải nhựa phát sinh phải được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định¹⁰, cụ thể:

+ Tổ chức, cá nhân không thải bỏ chất thải nhựa trực tiếp vào hệ thống thoát nước, ao, hồ, kênh, rạch, sông và đại dương.

+ Chất thải nhựa phải được thu gom, phân loại để tái sử dụng, tái chế hoặc xử lý theo quy định của pháp luật; chất thải nhựa không thể tái chế phải được chuyển giao cho cơ sở có chức năng xử lý theo quy định.

+ Có xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch hoặc mô hình thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý chất thải nhựa.

2.7.2. Hồ sơ minh chứng

- Báo cáo kết quả thực hiện, kèm số liệu chi tiết về khối lượng chất thải nhựa được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý/tổng khối lượng chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn để xác định tỷ lệ chất thải nhựa được thu gom, tái sử dụng, tái chế.

- Danh sách các mô hình thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý chất thải nhựa.

(Có biểu 17.12.1 kèm theo)

⁸ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật BVMT (khoản 14 Điều 3);

⁹ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật BVMT (khoản 15 Điều 3);

¹⁰ Luật BVMT 2020 (khoản 1, 2, 4 Điều 73);

UBND XÃ.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..... ngày tháng năm 20...

DANH SÁCH**Các doanh nghiệp, cơ sở, hộ sản xuất, kinh doanh trên địa bàn xã**

TT	Tên doanh nghiệp/cơ sở/hộ sản xuất	Tên chủ cơ sở	Địa chỉ và điện thoại liên hệ	Loại hình/Q uy mô	Thời điểm hoạt động (năm)	Địa điểm sản xuất kinh doanh	Hồ sơ, thủ tục môi trường (nếu có)	Thực hiện các biện pháp/công trình bảo vệ môi trường đã thực hiện	Đánh giá việc thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường theo hồ sơ, thủ tục môi trường	
									Đảm bảo	Không đảm bảo, lý do
1										
2										
3										
...										
Tỉ lệ %										

Ghi chú: Đề nghị cung cấp đầy đủ thông tin, đặc biệt là thông tin về chủ cơ sở, thời điểm bắt đầu hoạt động, địa chỉ liên hệ, điện thoại liên hệ và hồ sơ thủ tục môi trường của các dự án

..... ngày tháng năm 20.....

Người lập biểu**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

UBND XÃ.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..... ngày tháng năm 20...

DANH SÁCH
Các làng nghề trên địa bàn xã

TT	Tên làng nghề	Tên chủ làng nghề	Địa chỉ và điện thoại liên hệ	Loại hình/Q uy mô	Thời điểm hoạt động (năm)	Địa điểm	Hồ sơ, thủ tục môi trường (nếu có)	Thực hiện các biện pháp/công trình bảo vệ môi trường đã thực hiện	Đánh giá việc thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường theo hồ sơ, thủ tục môi trường	
									Đảm bảo	Không đảm bảo, lý do
1										
2										
3										
...										
Tỉ lệ %										

Người lập biểu

..... ngày tháng năm 20.....

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Biểu số 17.3.1

UBND XÃ

THÔN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DANH SÁCH
Các hộ đã cải tạo vườn, chỉnh trang hàng rào trên địa bàn thôn

TT	Công việc đã thực hiện	Ghi chú
----	------------------------	---------

	Họ và tên chủ hộ	Cải tạo vườn (1)	Chỉnh trang hàng rào (2)	
1				
2				
3				
...				
Tổng số				

(Ghi chú: Hộ nào thực hiện thì nêu rõ các nội dung đã thực hiện, không thì bỏ trống)

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

XÁC NHẬN CỦA TRƯỞNG THÔN
(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày tháng năm 202

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DANH SÁCH

Các hộ đã cải tạo vườn, chỉnh trang hàng rào trên địa bàn xã

3	Tên thôn/xóm	Tổng số hộ của thôn	Số hộ đã cải tạo vườn, chỉnh trang hàng rào				Ghi chú
			Tổng số hộ chỉnh trang hàng rào	Tỉ lệ %	Tổng số hộ có hàng rào xanh hoặc hàng rào khác được phủ xanh	Tỉ lệ %	
Tổng							

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày tháng năm 202.....

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DANH SÁCH

Các tuyến đường, khu vực công cộng xanh – sạch – đẹp trên địa bàn xã

TT	Tên	Số km/diện tích	Tên biển hiệu (nếu có)	Giao tổ chức, đơn vị quản lý	Ghi chú
1					
2					
3					
4					

....., ngày tháng năm 202...

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Người lập biểu
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 17.6.1

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Danh sách các điểm tập kết/trạm trung chuyển (nếu có) chất thải rắn/điểm tập kết phương tiện thu gom rác trên địa bàn

TT	Danh sách các điểm tập kết/trạm trung chuyển (nếu có) rác thải	Cố định	Không cố định	Điểm tập kết phương tiện thu gom rác	Thời gian hoạt động đối với trường hợp không cố định	Ghi chú
1		X				
2				X		
...		X			
...						
Tổng số						

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày tháng năm 202...
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**Tổng hợp kết quả phát sinh, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn**

TT	Thôn	Khối lượng CTR sinh hoạt phát sinh (tấn/ngày)	Khối lượng CTR sinh hoạt thu gom (tấn/ngày)	Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt tái sử dụng, tái chế (tấn/ngày)	Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt vận chuyển, xử lý (tấn/ngày)	Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt tự xử lý * (tấn/ngày)	Tỷ lệ CTR sinh hoạt xử lý đúng quy định**
1							
2							
....							
Toàn xã							

Ghi chú: * Tự xử lý bằng hình thức ủ phân hữu cơ hoặc làm thức ăn chăn nuôi

** Tỷ lệ CTR sinh hoạt xử lý đúng quy định (%) = Khối lượng CTR sinh hoạt xử lý đúng quy định/Tổng khối lượng CTR sinh hoạt phát sinh trên địa bàn x 100%.

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày tháng năm 202...
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Biểu 17.7.1

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**Tổng hợp kết quả phát sinh, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế trên địa bàn**

TT	Tên cơ sở/bệnh viện	Khối lượng CTR y tế phát sinh (tấn/ngày)	Khối lượng CTR y tế thu gom (tấn/ngày)	Khối lượng chất thải rắn y tế vận chuyển, xử lý (tấn/ngày)	Hình thức xử lý	Tỷ lệ CTR y tế xử lý đúng quy định*
1						
2						
....						
Toàn xã						

Ghi chú: * Tỷ lệ CTR y tế xử lý đúng quy định (%) = Khối lượng CTR y tế xử lý đúng quy định/Tổng khối lượng CTR y tế phát sinh trên địa bàn x 100%.

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày tháng năm 202...

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Biểu 17.7.2

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**Tổng hợp kết quả phát sinh, thu gom, vận chuyển, xử lý vỏ bao gói thuốc BVTV sau sử dụng trên địa bàn**

TT	Tên thôn/xóm	Khối lượng vỏ bao gói thuốc BVTV sau sử dụng phát sinh (tấn/ngày)	Khối lượng vỏ bao gói thuốc BVTV sau sử dụng thu gom (tấn/ngày)	Khối lượng vỏ bao gói thuốc BVTV sau sử dụng vận chuyển, xử lý (tấn/ngày)	Hình thức xử lý	Tỷ lệ vỏ bao gói thuốc BVTV sau sử dụng xử lý đúng quy định*
1						
2						
....						
Toàn xã						

Ghi chú: * Tỷ lệ CTR vỏ bao gói thuốc BVTV sau sử dụng xử lý đúng quy định (%) = Khối lượng vỏ bao gói thuốc BVTV sau sử dụng xử lý đúng quy định/Tổng khối lượng vỏ bao gói thuốc BVTV sau sử dụng phát sinh trên địa bàn x 100%.

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày tháng năm 202...

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

UBND XÃ
 THÔN/XÓM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DANH SÁCH

Các hộ gia đình có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch
 trên địa bàn thôn/xóm

T T	Họ và tên chủ hộ	Nhà tiêu hợp vệ sinh	Nhà tắm hợp vệ sinh	Bể chứa nước hợp vệ sinh	Đảm bảo 3 sạch		
					Khoảng cách từ nhà đến chuồng trại (m)*	Đảm bảo an toàn thực phẩm	Chỉnh trang công ngõ, dọn vệ sinh
1							
2							
3							
4							
...							
Tổng số							

(Thuộc trường hợp nào thì đánh dấu x vào cột của trường hợp đó; * điền khoảng cách m)

Người lập biểu
 (Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày tháng năm 202...

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ.....CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**DANH SÁCH****Các hộ gia đình có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch
trên địa bàn xã**

TT	Tên thôn/xóm	Tổng số hộ của thôn/xóm	Nhà tiêu		Nhà tắm		Bể chứa nước sinh hoạt		Đảm bảo 3 sạch	
			Tổng số đạt	Tỉ lệ %	Tổng số đạt	Tỉ lệ %	Tổng số đạt	Tỉ lệ %	Tổng số đạt	Tỉ lệ %
1										
2										
3										
...										
Tổng số										

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày tháng năm 202....

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**Tổng hợp Danh sách các hộ/điểm thực hiện phân loại rác, xử lý rác thực phẩm tại nguồn tạo phân hữu cơ**

TT	Họ và tên hộ	Có trang bị hệ thống thu gom, phân loại rác/xử lý rác thực phẩm tại hộ	Không trang bị hệ thống thu gom, phân loại rác/xử lý rác thực phẩm tại hộ
1		X	
2			X
3			
...			
Tổng số			

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày tháng năm 202...

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tổng hợp kết quả thực hiện phân loại rác thải trên địa bàn xã

TT	Tên thôn	Phân loại rác tại hộ gia đình			Phân loại rác tại cơ quan, tổ chức, cơ sở (gọi chung là cơ quan)			Phân loại rác tại nhà văn hóa công cộng		Ghi chú
		Tổng số hộ	Số hộ thực hiện phân loại rác	Tỷ lệ %	Tổng số cơ quan	Số cơ quan thực hiện phân loại rác	Tỷ lệ %	Số nhà văn hóa thôn/xóm	Số nhà văn hóa thôn/xóm được trang bị thiết bị thu gom, phân loại rác	
1										
2										
3										
4										
...										
Tổng số										

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày tháng năm 202...

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Biểu số 17.12

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

TỔNG HỢP

Khối lượng chất thải nhựa phát sinh từ các hộ gia đình/các hoạt động văn hóa, thể thao

TT	Hộ gia đình/Hoạt động (bao gồm cấp xã và cấp thôn) tại các thôn xóm	Lượng rác thải nhựa phát sinh (kg)	Lượng rác được thu gom (kg)	Trong đó		Tỷ lệ
				Lượng rác tái sử dụng, tái chế (kg)	Lượng rác thu gom đưa đi xử lý (kg)	
1						
2						
3						
4						
5						
6						
7						
8						
TỔNG						

....., ngày ... tháng 12 năm 202

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Người lập biểu